

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 05 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động
của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 2 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp tỉnh và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Công văn số 7158/BTC-ĐCTC ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sắp xếp các Quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách có tính chất tín dụng tại địa phương;

Xét Tờ trình số 059/TTr-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 30/BC-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau theo Tờ trình số 059/TTr-UBND

ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh).

Điều 2. Tổng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau khi sáp nhập 02 tỉnh: 121.805.539.035 đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ủy thác của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương: 18.387.287.035 đồng;
- Vốn điều lệ: 68.462.000.000 đồng (do ngân sách Nhà nước cấp);
- Vốn vận động: 34.956.252.000 đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 05 tháng 8 năm 2025./. *gtr*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều

ĐỀ ÁN

**kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau
trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu và
Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau**

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I- SỰ CẦN THIẾT

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh Cà Mau khóa X, kỳ họp thứ 19 (chuyên đề) quyết nghị về chủ trương sắp xếp tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau; Đề án số 09-ĐA/TU ngày 12/5/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau về sắp xếp, tinh gọn tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ (cấp tỉnh, cấp xã); Công văn số 4715/UBND-NC ngày 06/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc sắp xếp các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất tín dụng tại địa phương sau hợp nhất tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau.

Do đó, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với cơ cấu lại và xây dựng đội ngũ người quản lý, người lao động có phẩm chất, năng lực uy tín, đáp ứng thực hiện nhiệm vụ trong thời kỳ mới, việc xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau là cần thiết phù hợp với thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

II- CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về

một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025.

- Kết luận 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Nghị quyết lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015.

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Thông tư số 92/2024/TT-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Công văn số 7158/BTC-ĐCTC ngày 26/5/2025 của Bộ Tài chính về việc sắp xếp các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất tín dụng tại địa phương.

- Đề án số 09-ĐA/TU ngày 12/5/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau về sắp xếp, tinh gọn tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ (cấp tỉnh, cấp xã).

- Đề án số 22-ĐA/TU ngày 29/5/2025 của Tỉnh ủy Bạc Liêu về sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh.

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thông qua Đề án “Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau”.

- Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau”.

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc thông qua Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu”.

- Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau sắp xếp tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau.

- Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 26/05/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Bạc Liêu về việc phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu”.

- Công văn số 4715/UBND-NC ngày 06/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc sắp xếp các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất tín dụng tại địa phương sau hợp nhất tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau.

Phần II

KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH CÀ MAU TRÊN CƠ SỞ HỢP NHẤT QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH BẠC LIÊU VÀ QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH CÀ MAU

I- THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH TRƯỚC KHI HỢP NHẤT

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu

a) Chức năng, nhiệm vụ

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Bạc Liêu; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; người đại diện pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Giám đốc Quỹ. Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu được thành lập tại Quyết định số 97-QĐ/HNDT ngày 24/6/2014 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bạc Liêu; được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu” tại Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 26/05/2025.

Chức năng, nhiệm vụ cụ thể bao gồm:

- Tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về xây dựng, quản lý, phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.
- Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.
- Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.
- Cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân trong tỉnh để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh.
- Nhận ủy thác cho vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Thường vụ, Thường trực Hội Nông dân tỉnh giao.

b) Nguồn vốn:

Tổng các nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân trong tỉnh Bạc Liêu đến thời điểm ngày 30/5/2025: **32.848.658.000 đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn ủy thác của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương: 11.350.000.000 đồng.
- Nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: 7.215.000.000 đồng, trong đó:
 - + Vốn điều lệ: 6.800.000.000 đồng.
 - + Vốn vận động: 415.000.000 đồng.
- Nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện: 14.283.658.000 đồng, trong đó:
 - + Vốn điều lệ: 9.365.000.000 đồng.
 - + Vốn vận động: 4.918.658.000 đồng.

Nguồn dự phòng để xử lý nợ rủi ro (*không thuộc vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ Nông dân*): 453.072.003 đồng, trong đó:

- + Của Quỹ Hỗ trợ Nông dân cấp tỉnh: 309.461.400 đồng.
- + Của Quỹ Hỗ trợ Nông dân cấp huyện: 143.610.603 đồng.

Công tác quản lý tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính; năm tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm; báo cáo tài chính năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Cơ cấu tổ chức và biên chế:

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có 05 thành viên. Trong đó, đồng chí Phó Chủ tịch thường trực Hội Nông dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; các đồng chí Phó Chủ tịch, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ nông dân và Giáo dục nghề nghiệp, Chánh Văn phòng, Trưởng ban Kinh tế - xã hội Hội Nông dân tỉnh làm thành viên.

- Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm 03 thành viên. Trong đó, đồng chí Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh làm Trưởng ban; Các đồng chí Trưởng ban Xây dựng hội, Kế toán Hội Nông dân tỉnh làm thành viên.

- Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu có 05 viên chức gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán, cán bộ nghiệp vụ, thủ quỹ (kiêm nhiệm từ Trung tâm Hỗ trợ nông dân và Giáo dục nghề nghiệp).

d) Cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Cơ sở vật chất: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Bạc Liêu, có 01 trụ sở làm việc chính tại đường Nguyễn Tất Thành, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Trang thiết bị: Trang thiết bị làm việc (trang thiết bị văn phòng, công cụ hỗ trợ,...) đáp ứng yêu cầu cần thiết cho công chức, viên chức và người lao động.

2. Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau

a) Chức năng, nhiệm vụ

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Cà Mau; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; người đại diện pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Giám đốc Quỹ. Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thống nhất chủ trương thành lập tại Công văn số 3077/UBND-NC ngày 17/6/2014. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh ban hành Quyết định số 36-QĐ/HNDT ngày 24/6/2014 về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Cà Mau; được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt Đề án “Kiến toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau” tại Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 25/7/2024.

Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Quỹ bao gồm:

- Tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về xây dựng, quản lý, phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.
- Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.
- Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.
- Cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân trong tỉnh để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh.
- Nhận ủy thác cho vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Thường vụ, Thường trực Hội Nông dân tỉnh giao.

b) Nguồn vốn:

Tổng các nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân trong tỉnh Cà Mau đến thời điểm ngày 30/5/2025: **88.956.881.035 đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn ủy thác của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương: 7.037.287.035 đồng.
- Nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: 37.022.600.000 đồng, trong đó:
 - + Vốn điều lệ: 37.000.000.000 đồng.
 - + Vốn vận động: 22.600.000 đồng.
- Nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện: 44.896.994.000 đồng, trong đó:

+ Vốn điều lệ: 15.297.000.000 đồng.

+ Vốn vận động: 29.599.994.000 đồng.

Nguồn dự phòng để xử lý nợ rủi ro (*không thuộc vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ Nông dân*): 1.959.104.305 đồng, trong đó:

+ Của Quỹ Hỗ trợ Nông dân cấp tỉnh: 1.115.745.766 đồng.

+ Của Quỹ Hỗ trợ Nông dân cấp huyện: 843.358.539 đồng.

Công tác quản lý tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính; năm tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm; báo cáo tài chính năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Cơ cấu tổ chức và biên chế:

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có 05 thành viên. Trong đó, đồng chí Phó Chủ tịch thường trực Hội Nông dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; các đồng chí Phó Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân, Chánh Văn phòng, Trưởng ban Xây dựng hội Hội Nông dân tỉnh làm thành viên.

- Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm 03 thành viên. Trong đó, đồng chí Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh làm Trưởng ban; Các đồng chí Phó Trưởng ban Xây dựng hội, Kế toán Hội Nông dân tỉnh làm thành viên.

- Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có 04 công chức gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán, cán bộ nghiệp vụ kiêm thủ quỹ (kiêm nhiệm từ Ban Kinh tế - Xã hội).

d) Cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Cơ sở vật chất: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Cà Mau, có 01 trụ sở làm việc chính tại số 4, đường Trần Nguyên Đán, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Trang thiết bị: Trang thiết bị làm việc (trang thiết bị văn phòng, công cụ hỗ trợ,...) đáp ứng yêu cầu cần thiết cho công chức, viên chức và người lao động.

(Kèm theo Mẫu số 01 thực trạng đội ngũ công chức, viên chức và người lao động)

3. Đánh giá hiệu quả hoạt động

3.1. Những kết quả đạt được

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là một trong các quỹ tài chính nhà nước hoạt động hiệu quả; hỗ trợ cho vay lãi suất thấp so với lãi suất của các ngân hàng thương mại; hạn mức cho vay phù hợp với mặt bằng sản xuất kinh doanh và khả năng chi trả của đối tượng vay; thời gian cho vay phù hợp; bảo đảm khả năng tiếp cận nguồn vốn nhanh của các đối tượng bằng việc đơn giản hóa thủ tục vay vốn với các điều kiện, tiêu chí phù hợp với đối tượng vay. Trong điều kiện nguồn lực tài chính còn hạn chế nhưng Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã khẳng định là kênh tín dụng thiết thực, điểm tựa hỗ trợ vốn cho

nhà nông; nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, không có nợ xấu, không có dự án phải khoanh nợ, gia hạn nợ. Hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được thể hiện qua các mặt sau:

Hiệu quả kinh tế: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh cho vay theo dự án nhóm hộ (cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, ngành nghề); đối tượng vay chủ yếu là các hộ trung bình, khá, có quyết tâm khát vọng làm giàu, nông cốt phát huy tối đa hiệu quả vốn vay, phát huy tính tương trợ, đoàn kết giúp đỡ nhau giữa các hộ vay, thông qua đó đã hình thành cách thức làm việc theo nhóm, thành lập các tổ hội nông dân nghề nghiệp, chi hội nông dân nghề nghiệp là nền móng vững chắc của tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, những mắt xích quan trọng của liên kết hợp tác sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi tư duy, từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp vì ba mục tiêu: năng suất cao, chất lượng cao, giá trị cao. Các dự án đều sử dụng vốn vay hiệu quả, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người vay, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp, phát triển lên hợp tác xã hoạt động hiệu quả; một số dự án ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất thành công, nhiều sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu.

Hiệu quả chính trị: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là kênh trợ vốn hữu hiệu, nơi chuyển tải kịp thời và hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đến đúng đối tượng thụ hưởng; là công cụ, điều kiện quan trọng để Hội Nông dân tỉnh thu hút, tập hợp, vận động hội viên nông dân tham gia sinh hoạt, củng cố niềm tin của hội viên với tổ chức hội; tiếp thêm nguồn lực nâng cao chất lượng công tác hội và phong trào nông dân. Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã góp phần vào thành công và lan tỏa phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững, trở thành điểm sáng trong đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn, thông qua đó đã xuất hiện nhiều tấm gương hội viên nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân Việt Nam xuất sắc... khẳng định tổ chức hội thực sự là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và xây dựng nông thôn mới.

Hiệu quả xã hội: Từ việc cho vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống của nông dân, tăng thu nhập, giảm nghèo, nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề và các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo thêm việc làm mới, việc làm tại chỗ, hạn chế tình trạng ly hương, giúp nông dân ổn định, yên tâm, gắn bó làm giàu trên quê hương; hỗ trợ hội viên nông dân kịp thời về vốn sản xuất, kinh doanh hạn chế tình trạng “tín dụng đen” hoạt động trên địa bàn nông thôn, giảm tệ nạn xã hội góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội.

Hiệu quả môi trường: Thông qua các dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, thực hiện chỉ tiêu thi đua hàng năm được Trung ương Hội giao hội viên nông dân tham gia sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm phải đăng ký, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm. Hội Nông dân tỉnh có điều kiện tuyên truyền, theo dõi để giúp đỡ hội viên nông dân đưa các sản phẩm an toàn, chất lượng đến tay người tiêu dùng.

Hiệu quả hoạt động tài chính: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh hoạt động bảo toàn và phát triển nguồn vốn, là kênh dẫn vốn hiệu quả. Kết quả tài chính hàng năm bảo đảm theo kế hoạch, hiệu quả. Dư nợ năm sau, cao hơn năm trước, nợ quá hạn thấp,

trích lập quỹ dự phòng để xử lý rủi ro bảo đảm đúng quy định. Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh chấp hành nghiêm túc pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

3.2. Những hạn chế, tồn tại

Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh còn hạn chế mới chỉ đáp ứng một phần rất nhỏ so với nhu cầu vay vốn của hội viên, nông dân; quy mô dự án còn nhỏ, mô hình chưa đa dạng, chưa tạo được liên kết thực sự chặt chẽ giữa các hộ tham gia vay vốn; việc lựa chọn, xây dựng mô hình theo hướng liên kết sản xuất hàng hóa, mô hình điển hình để nhân rộng còn hạn chế; một số quy định hiện hành chưa phù hợp như: mức cho vay, thời hạn cho vay, thời hạn trả nợ gốc...

3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được thực hiện theo quyết định của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, chưa có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Luật Ngân sách năm 2015. Mô hình tổ chức, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh cán bộ làm việc kiêm nhiệm. Lĩnh vực cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo hình thức tín chấp, lĩnh vực cho vay tập trung vào nông nghiệp, nông thôn nên còn tiềm ẩn nhiều rủi ro khách quan, khó lường như: hạn hán, xâm nhập mặn, dịch bệnh, mất mùa...

II- PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT

1. Mục tiêu, phạm vi, đối tượng quản lý

a) Mục tiêu

- Hỗ trợ hội viên Hội Nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân.
- Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

b) Phạm vi hoạt động

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP trong phạm vi của tỉnh.

c) Đối tượng quản lý: Công chức, viên chức, người lao động thuộc Hội Nông dân tỉnh Bạc Liêu và Hội Nông dân tỉnh Cà Mau.

2. Loại hình, tên gọi

a) Loại hình: Ban chuyên môn thuộc Hội Nông dân tỉnh Cà Mau.

b) Tên gọi: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau.

3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

3.1. Vị trí:

- Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

- Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3.2. Chức năng, nhiệm vụ

- Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành;

- Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân tỉnh Cà Mau để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh;

- Nhận ủy thác cho vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Ủy thác cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp dưới thực hiện nhiệm vụ cho vay theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật hiện hành;

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về phương hướng hoạt động, công tác xây dựng, quản lý và phát triển Quỹ;

- Giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành Quỹ cấp dưới;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

3.3. Quyền hạn

- Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ;

- Thực hiện Thông tư số 92/2024/TT-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; hướng dẫn hoạt động cho vay, quản lý nợ, xử lý rủi ro; hoạt động ủy thác và nhận ủy thác; chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán đối với Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp dưới;

- Được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;

- Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ Hỗ trợ nông dân nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ;

- Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Phối hợp với các đơn vị và cá nhân tổ chức các hoạt động tập huấn, chuyên

giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, kỹ năng quản lý tài chính, học tập trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước giúp khách hàng vay vốn sử dụng vốn đúng mục đích, đạt hiệu quả cao;

- Được yêu cầu Hội Nông dân cấp dưới báo cáo định kỳ 6 tháng và hằng năm về hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Theo dõi, giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất Quỹ Hỗ trợ nông dân nhận ủy thác và khách hàng vay vốn về việc chấp hành quy định của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, quy định Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

3.4. Cơ cấu tổ chức của Quỹ Hỗ trợ nông dân gồm:

a) Hội đồng quản lý (Điều 10 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP)

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có 05 thành viên. Trong đó, cán bộ Hội Nông dân tỉnh hoạt động kiêm nhiệm 04 và mời 01 đồng chí lãnh đạo Sở Tài chính:

- + Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh.

- + Mời 01 đồng chí lãnh đạo Sở Tài chính tham gia thành viên.

- + 03 thành viên Hội đồng do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh bổ nhiệm, trong đó có 01 thành viên là Giám đốc Quỹ.

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là cán bộ Hội. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đại diện sở, ngành.

- Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện đúng theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 10 của Nghị định 37/2023/NĐ-CP và Điều 8 Điều lệ mẫu Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân ban hành kèm theo Quyết định số 250-QĐ/HNDTW ngày 04/3/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

- Nhân sự cụ thể đề xuất *(có phụ lục kèm theo)*.

b) Ban Kiểm soát (Điều 11 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP)

- Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm 03 thành viên. Trưởng Ban Kiểm soát là Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh.

- Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh kiểm soát việc tổ chức, quản lý điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng tối đa không quá 02 nhiệm kỳ.

- Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định 37/2023/NĐ-CP và Điều 9 Điều lệ mẫu Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân ban hành kèm theo Quyết định số 250-QĐ/HNDTW ngày 04/3/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

- Nhân sự cụ thể đề xuất (*có phụ lục kèm theo*).

c) Ban Điều hành (Điều 12 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP)

Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là 08 người, gồm:

- Giám đốc.

- 02 phó giám đốc.

- 02 kế toán.

- Bộ máy giúp việc (03 người).

*** Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh**

- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 37/2023/NĐ-CP và Điều 10 Điều lệ mẫu Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân ban hành kèm theo Quyết định số 250-QĐ/HNDTW ngày 04/3/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

*** Phó Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh**

- Số lượng: 02 người.

- Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

- Tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

*** Kế toán Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh**

- Số lượng: 02 người.

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có

liên quan.

- Tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền bổ nhiệm Kế toán trưởng Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và pháp luật có liên quan.

*** Bộ máy giúp việc của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh**

- Số lượng: 03 người.

- Là cán bộ, công chức thuộc cơ quan Hội Nông dân tỉnh được phân công trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và người lao động được Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động.

- Đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu, giúp việc cho Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Nhân sự cụ thể đề xuất (có phụ lục kèm theo).

3.5. Dự kiến nhân sự

Sau khi kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau, trước mắt, giữ nguyên hiện trạng công chức, viên chức có mặt, gồm: 09 biên chế công chức, viên chức... cụ thể: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc, 02 Kế toán và 04 cán bộ nghiệp vụ, trong thời gian tối đa 05 năm kể từ khi Đề án được phê duyệt, sẽ sắp xếp theo quy định.

(Kèm theo Mẫu số 03 Phương án bố trí nhân sự theo vị trí việc làm)

4. Cơ sở vật chất

a) Trụ sở làm việc

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau: Số 4, đường Trần Nguyên Đán, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau.

b) Trang thiết bị, phương tiện làm việc

Đảm bảo cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị làm việc cho công chức, viên chức, người lao động theo đúng quy định, bao gồm: máy vi tính để bàn; máy in; bàn, ghế làm việc; tủ; máy photocopy... Trước mắt, chuyển một số máy móc, phương tiện, thiết bị làm việc còn sử dụng được của Quỹ Hỗ trợ nông dân Bạc Liêu về Quỹ Hỗ trợ nông dân Cà Mau.

(Kèm theo Mẫu số 02 trang thiết bị và phương tiện làm việc)

c) **Cơ chế tài chính:** Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau thực hiện đúng theo Thông tư số 92/2024/TT-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

5. Báo cáo giải trình về việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện hợp nhất theo quy định

Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân

tỉnh Cà Mau thuộc Ban Công tác nông dân đáp ứng đầy đủ tiêu chí và điều kiện theo quy định:

- Đáp ứng điều kiện thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

- Đảm bảo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và tiêu chí thành lập các bộ phận thuộc Quỹ, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Quỹ và số lượng cấp phó của các bộ phận thuộc Quỹ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

Có trụ sở làm việc, cơ sở vật chất, trang thiết bị: trụ sở làm việc, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Hội Nông dân tỉnh Cà Mau đảm bảo điều kiện để hoạt động.

III- PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, TÀI CHÍNH, ĐẤT ĐAI VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CỦA TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI

1. Về tổ chức bộ máy

Kiện toàn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau; tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về xây dựng, quản lý, phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan; cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân trong tỉnh để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh.

2. Về nhân sự:

- Tiếp nhận tổng số **09** biên chế công chức, viên chức cụ thể như sau:

+ Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu: 05 viên chức

+ Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau: 04 công chức.

(Kèm theo Phụ lục số 04)

3. Phương án sắp xếp nhân sự dôi dư

- Đối với Ban Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau, đề xuất Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Sẽ giải quyết chế độ, chính sách (trường hợp công chức có nguyện vọng); Rà soát, đánh giá lại công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý, các trường hợp thuộc đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện theo quy định; đối với công chức, viên chức dôi dư thực hiện chuyển sang các bộ phận khác của Hội.

- Xây dựng phương án tinh giản biên chế, sắp xếp lại các trường hợp dôi dư, thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị trong thời hạn 05 năm (kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án).

4. Về tài chính, tài sản, đất đai

- Tổng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau: **121.805.539.035 đồng**,

trong đó:

- + Nguồn vốn ủy thác của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương: 18.387.287.035 đồng.
- + Vốn điều lệ: 68.462.000.000 đồng.
- + Vốn vận động: 34.956.252.000 đồng.
- Nguồn dự phòng để xử lý nợ rủi ro: 2.412.176.308 đồng.
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau tiếp tục quản lý (sau khi hợp nhất). Việc xử lý tài chính, ngân sách, tài sản trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy sẽ tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Sở Tài chính tỉnh Cà Mau.
- Xử lý việc chuyển tiếp quản lý các dự án Quỹ Hỗ trợ nông dân trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của 02 cơ quan, thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Sở Tài chính tỉnh Cà Mau.

IV- ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC HỢP NHẤT

- 1. Về tổ chức bộ máy:** Trước khi hợp nhất 02 Ban: có 09 công chức, viên chức. Sau khi hợp nhất còn 01 Ban (giảm 01 đơn vị).
- 2. Về vị trí lãnh đạo, quản lý:** giảm 01 vị trí Giám đốc.
- 3. Về biên chế:** Trước hợp nhất 02 Ban có 09 công chức, viên chức. Sau hợp nhất còn 07 công chức, viên chức.
- 4. Giảm chi tài chính, tài sản từ ngân sách nhà nước**

Để tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy của Quỹ Hỗ trợ nông dân Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân Cà Mau; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện

- Xây dựng Đề án, gửi lấy ý kiến các cơ quan liên quan, hoàn thiện và trình Sở Tài chính, Sở Nội vụ thẩm định, hoàn thành trong ngày 13/6/2025.
- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án hợp nhất, hoàn thành trong tháng 6/2025.
- Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Quyết định thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau (trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau), hoàn thành trong tháng 6/2025.
- Triển khai Quyết định thành lập, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau đưa vào hoạt động ngay và xây dựng quy định về chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Hỗ trợ nông

dân tỉnh Cà Mau trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh ban hành, hoàn thành trong tháng 7/2025.

2. Nội dung chuyển tiếp

Để đảm bảo không gián đoạn hoạt động, sau khi có Nghị quyết thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau đề nghị cấp thẩm quyền cho phép Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau (sau sắp xếp) tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của 02 Ban (trước khi sắp xếp) cho đến khi có Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ; tiếp tục sử dụng con dấu của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau (trước khi sắp xếp) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Nghị quyết thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau có hiệu lực thi hành, để giải quyết các công việc còn tồn đọng của 02 Quỹ Hỗ trợ nông dân sau khi hợp nhất.

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Trách nhiệm của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Cà Mau

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Khu vực 15, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan;
- Xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân cùng cấp theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;
- Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- Thực hiện các chỉ đạo, quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đối với công tác xây dựng, quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định;
- Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí ngân sách nhà nước để cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và kết quả triển khai dự án cho vay của Hội Nông dân cấp dưới;
- Giám sát và đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- Hằng năm, thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;
- Phối hợp với Sở Tài chính, các ngành có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát và hướng dẫn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

3.2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Hướng dẫn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau rà soát, kiểm kê lại tài sản, tài chính, cơ sở vật chất, máy móc trang thiết bị của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau trước sáp nhập.

3.3. Trách nhiệm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án sau khi được phê duyệt theo Quyết định của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Cà Mau về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau (trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau).

- Tiếp nhận nguồn vốn, cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị từ Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu chuyển sang.

- Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau.

- Trình Ban Thường vụ thành lập Hội đồng quản lý; Ban Kiểm soát; Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân

3.4. Trách nhiệm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu

- Rà soát, báo cáo tình hình sử dụng biên chế, tài chính, tài sản; bàn giao toàn bộ nguồn vốn, tài sản cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau để quản lý, hoàn thành trong 7/2025.

- Bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan (hồ sơ dự án) nộp lưu theo quy định, hoàn thành trong 7/2025.

Trên đây là Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bạc Liêu và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh,
- Sở Tài chính,
- Sở Nội vụ,
- HND tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau,
- Các đồng chí Thường trực,
- Các đồng chí Ủy viên BTV,
- Các Ban, Văn phòng HND 02 tỉnh,
- Lưu: VT, QHTND.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



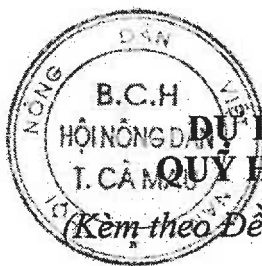
Nguyễn Hoàng Thoại



PHỤ LỤC
DỰ KIẾN NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT, ngày 28 tháng 7 năm 2025
của Hội Nông dân tỉnh Cà Mau)

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm (có 03 năm trở lên)
01	Đỗ Hoàng Tuấn	Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng	Đại học Ngữ văn	Có 10 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính
02	Tiêu Việt Tiên	Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Thành viên Hội đồng	Thạc sĩ Kinh tế	Có 20 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính
03	Mời lãnh đạo sở Tài chính	, thành Hội đồng		Có năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính
04	Nguyễn Hữu Nghị	Trưởng Ban Kinh tế - Xã hội Hội Nông dân tỉnh Bạc Liêu, thành viên Hội đồng	Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản	Có 05 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính
05	Trần Thị Lan Anh	Trưởng ban Xây dựng hội Hội Nông dân tỉnh Bạc Liêu, thành viên Hội đồng	Cử nhân Xã hội học	Có 05 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính.



PHỤ LỤC
DỰ KIẾN NHÂN SỰ BAN KIỂM SOÁT
QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH CÀ MAU

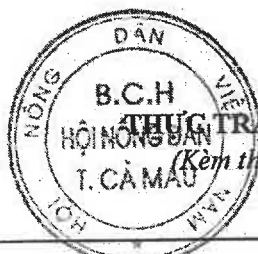
*(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT, ngày 28 tháng 7 năm 2025
của Hội Nông dân tỉnh Cà Mau)*

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm
01	Nguyễn Hoàng Thoại	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Bạc Liêu, Trưởng Ban	Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản	Có 10 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính, 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm tra
02	Trần Văn Thuận	Trưởng Ban Kinh tế - Xã hội, Kiểm Giám đốc Ban điều hành Quỹ HTND Hội Nông dân tỉnh Cà Mau	Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản	Có 10 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính, 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm tra
03	Bành Thị Tuyết Phuong	Kế toán, Hội Nông dân tỉnh Bạc Liêu	Đại học Kế toán	Có 03 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính,...năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm tra



PHỤ LỤC
DỰ KIẾN NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH
QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT, ngày 29 tháng 7 năm 2025
của Hội Nông dân tỉnh Cà Mau)

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm
01	Nguyễn Hữu Nghị	Giám đốc	Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản	Có 05 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính
02	Huỳnh Minh Trung	Phó Giám đốc (Phụ trách tài chính)	Kỹ sư Kỹ thuật nông nghiệp	Có 05 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính
03	Lê Phương Thùy	Phó Giám đốc (phụ trách nghiệp vụ)	Đại học Kế toán	Có 05 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính
04	Phương Đông	Nghiệp vụ	Cử nhân Hành Chính	Có 04 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tín dụng
05	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Nghiệp vụ	Thạc sĩ Quản lý kinh tế; cử nhân Địa lý Du lịch	Có 05 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính
06	Nguyễn Văn Trang	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán	Có 07 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính
07	Biện Văn Thừa	Kế toán	Đại học Tài chính – Ngân hàng	Có 5 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính
08	Hồ Vinh Lộc	Nghiệp vụ	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Có 03 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính

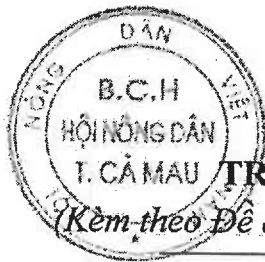


Mẫu số 01

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT, ngày 28/7/2025 của HND tỉnh Cà Mau)

TT	Họ và tên	Trình độ					Chức vụ	Ghi chú
		C.Môn	CTrj	QLNN	NN	TH		
I	2	3	4	5	6	7	8	9
	Ban điều hành Quỹ HTND tỉnh Cà Mau							
I	Ban Giám đốc							
1	Trần Văn Thuận	Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản	CC	CVC	B1	B	Giám đốc	
2	Lê Phương Thủy	ĐH Kế Toán	TC	CVC	B	B	Phó Giám đốc kiêm kế toán	
II	Nghiệp vụ							
1	Phương Đông	ĐH hành chính	TC	CVC	A	B	Cán bộ nghiệp vụ kiêm thủ quỹ	
2	Nguyễn Thủy Kiều	Đại học Luật và ĐH Kinh tế	TC	CVC	B	B	Cán bộ nghiệp vụ	
	Ban điều hành Quỹ HTND tỉnh Bạc Liêu							
I	Ban Giám đốc							
1	Thạch Thị Duyên Thy	ĐH Nuôi trồng thủy sản	CC		B	A	Giám đốc	
2	Trần Thanh Xuân	Cử nhân Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	CC		B	A	Phó Giám đốc	
II	Nghiệp vụ							
1	Nguyễn Văn Trạng	Cử nhân Kế toán	TC		B	B	Kế toán	
2	Huỳnh Minh Trung	Kỹ sư Kỹ thuật nông nghiệp	TC		B	ƯD CNTT cơ bản	Cán bộ nghiệp vụ	
3	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Thạc sĩ Quản lý kinh tế; cử nhân Địa lý Du lịch	TC		B	A	Thủ quỹ	



Mẫu số 02

TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN LÀM VIỆC

(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT, ngày 18/7/2025 của HND tỉnh Cà Mau)

TT	Tên trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Ban điều hành Quỹ HTND tỉnh Cà Mau			
1	Máy tính	cái	04	Mượn của HND tỉnh
2	Máy in	cái	04	Mượn của HND tỉnh
3	Phòng làm việc	Phòng	4	Mượn của HND tỉnh
4	Tủ đựng tài liệu	Cái	06	Mượn của HND tỉnh
	Ban điều hành Quỹ HTND Bạc Liêu			
1	Máy tính	cái	03	Mượn của Trung tâm
2	Máy in	cái	02	Mượn của Trung tâm
3	Phòng làm việc	Phòng	02	Mượn của Trung tâm
4	Tủ đựng tài liệu	Cái	02	Mượn của Trung tâm



Mẫu số 03

PHƯƠNG AN BỐ TRÍ NHÂN SỰ THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT, ngày 29/7/2025 của HND tỉnh Cà Mau)

TT	Vị trí	Yêu cầu về trình độ					Bồi dưỡng nghiệp vụ	Cần bổ sung gì	Điều chỉnh nhiệm vụ	Dự kiến ngạch (tối thiểu)	Đề xuất (nếu có)	Ghi chú
		Chuyên môn	Chính trị	QLNN	Ngoại ngữ	Tin học						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I Ban Giám đốc: 03 công chức												
1	Giám đốc	ĐH: Kinh tế, tài chính, ngân hàng, phát triển nông nghiệp nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ĐH chuyên ngành phù hợp	CC	CVC	Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp Phòng và tương đương			01.003		
2	Phó Giám đốc (1)	ĐH: Kinh tế, tài chính, ngân hàng, phát triển nông nghiệp nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ĐH chuyên ngành phù hợp	TC	CVC	Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương			01.003		
3	Phó Giám đốc (2)	ĐH: Kinh tế, tài chính, ngân hàng, phát triển nông nghiệp nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ĐH chuyên ngành phù hợp	TC	CVC	Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương			01.003		
II Nghiệp vụ: 5 công chức, viên chức												
1	Kế toán trưởng	ĐH: tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc ĐH chuyên ngành phù hợp	TC	CV	Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương			01.003		

TT	Vị trí	Yêu cầu về trình độ					Bồi dưỡng nghiệp vụ	Cần bổ sung gì	Điều chỉnh nhiệm vụ	Dự kiến ngạch (tối thiểu)	Đề xuất (nếu có)	Ghi chú
		Chuyên môn	Chính trị	QLNN	Ngoại ngữ	Tin học						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Kế toán	ĐH: tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc ĐH chuyên ngành phù hợp	TC	CV	Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản				01.003		
3	Nghiep vụ	ĐH: Kinh tế, phát triển nông nghiệp nông thôn, quản trị kinh doanh, luật hoặc ĐH chuyên ngành phù hợp	TC	CV	Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản				01.003		
4	Nghiep vụ	ĐH: Kinh tế, phát triển nông nghiệp nông thôn, quản trị kinh doanh, luật hoặc ĐH chuyên ngành phù hợp	TC	CV	Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản				01.003		
5	Nghiep vụ	ĐH: Kinh tế, phát triển nông nghiệp nông thôn, quản trị kinh doanh, luật hoặc ĐH chuyên ngành phù hợp	TC	CV	Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản				01.003		

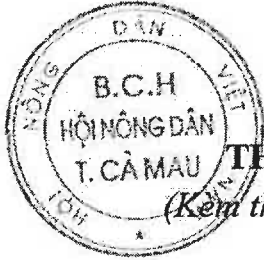


Mẫu số 04

THỐNG KÊ DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BIÊN CHẾ

(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT, ngày 23/7/2025 của HND tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế
1	2	3	4
	Tổng số	<u>4</u>	<u>8</u>
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2	3
1.1	Giám đốc	1	1
1.2	Phó Giám đốc	1	2
2	Vị trí việc làm nghiệp vụ	<u>2</u>	<u>5</u>
2.1	Kế toán	1	2
2.2	Nghiệp vụ	1	3



Mẫu số 05

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BIÊN CHẾ

(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT, ngày 28/7/2025 của HND tỉnh Cà Mau)

TT	Đơn vị	Tổng số	Số lượng vị trí việc làm				Biên chế				
			Chia ra:				Chia ra:				
			Vị trí lãnh đạo, quản lý	Vị trí nghiệp vụ chuyên ngành	Vị trí chuyên môn dùng chung	Vị trí hỗ trợ, phục vụ	Tổng số	Lãnh đạo, quản lý, điều hành	Công chức chuyên môn, nghiệp vụ	Vị trí chuyên môn dùng chung	Công chức hỗ trợ, phục vụ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Quỹ HTND tỉnh Cà Mau	4	2	2			8	3	5		

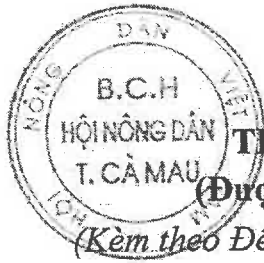


Mẫu số 06

DANH SÁCH ĐIỀU CHUYỂN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT, ngày 25/7/2025 của HND tỉnh Cà Mau-HND tỉnh Bạc Liêu)

TT	Họ và tên	Trình độ					Chức vụ	Ghi chú
		C.Môn	CTrị	QLNN	NN	TH		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Ban Giám đốc							
1	Thạch Thị Duyên Thy	ĐH Nuôi trồng thủy sản	CC		B	A	Giám đốc	
2	Trần Thanh Xuân	Cử nhân Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	CC		B	A	Phó Giám đốc	
II	Nghiệp vụ							
1	Nguyễn Văn Trạng	Cử nhân Kế toán	TC		B	B	Kế toán	
2	Huỳnh Minh Trung	Kỹ sư Kỹ thuật nông nghiệp	TC		B	UD CNTT cơ bản	Cán bộ nghiệp vụ	
3	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Thạc sĩ Quản lý kinh tế; cử nhân Địa lý Du lịch	TC		B	A	Thủ quỹ	
4	Hồ Vinh Lộc	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	TC		B	B	Cán bộ nghiệp vụ	



Mẫu số 07

TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN LÀM VIỆC

(Được chuyển giao/tiếp nhận giữa các cơ quan, đơn vị)

(Kèm theo Đề án số 01-ĐA/HNDT, ngày 29/7/2025 của HND tỉnh Cà Mau)

TT	Tên trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng làm việc	Phòng	02	Mượn của Trung tâm
2	Máy tính	bộ	03	Mượn của Trung tâm
3	Máy pho to	Cái	0	
4	Máy in	Cái	02	Mượn của Trung tâm
5	Bàn, ghế	Cái	05	Mượn của Trung tâm
6	Tủ tài liệu	Cái	02	Mượn của Trung tâm
				